

Số : 65/CV-RDP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán hiện hành, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016, nay Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding thông báo như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING**
2. Mã chứng khoán: **RDP**
3. Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: (+84 028) 39692272-39696642 Fax: (+84 028) 39692843
5. Loại công bố thông tin: Định kỳ
6. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phạm Thùy Thương
7. Nội dung công bố thông tin: **Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**
8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn <http://rangdongholding.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Phạm Thùy Thương

Nơi nhận:

- Như nơi gửi;
- Lưu.

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (sau đây được gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding;

- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền của các Cổ đông (Cổ đông/Đại diện cổ đông) và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông/Đại diện cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông và các bên tham gia Đại hội

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding được xác định theo danh sách chốt tại ngày 26 tháng 03 năm 2025 (ngày đăng ký cuối cùng) hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

2. Quyền của các Cổ đông và các bên tham gia Đại hội khi tham dự Đại hội:

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội;

- Ban Tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Tất cả Cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình. Tất cả các ý kiến đều được đưa ra thảo luận tại Đại hội;

- Cổ đông/Đại diện cổ đông khi dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy tờ tùy thân (CCCD/CMND hoặc hộ chiếu, ...) và Giấy uỷ quyền (đối với Đại diện cổ đông), xuất trình với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Phiếu biểu quyết (ghi tên Cổ đông, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ phần đại diện, số cổ phần được quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội). Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết bằng tổng số cổ phần sở hữu và số cổ phần đại diện uỷ quyền (nếu có);

- Tại Đại hội, các Cổ đông/Đại diện cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng nội dung bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết;

- Các Cổ đông/Đại diện cổ đông có quyền đưa ra ý kiến của mình về các nội dung của Đại hội tại phần thảo luận theo sự điều hành của Chủ tọa;

- Các Cổ đông/Đại diện cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến phải:

+ Được sự chấp thuận của Chủ tọa;

+ Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với chương trình Đại hội. Nếu quá 10 phút, Chủ tọa được quyền xem xét yêu cầu không được tiếp tục kéo dài để dành thời gian cho các Cổ đông khác và chương trình của Đại hội;

+ Không phát biểu lặp lại các nội dung đã phát biểu trước đó.



- Cổ đông/Đại diện cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để Cổ đông/Đại diện cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã biểu quyết sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của Cổ đông và các bên tham gia Đại hội khi tham dự Đại hội:

- Các Cổ đông/Đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

- Trong thời gian tiến hành Đại hội, Cổ đông/Đại diện cổ đông phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Ban Tổ chức chỉ định;

2. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông kiểm tra tư cách Cổ đông/Đại diện cổ đông dự họp; phát các tài liệu và Phiếu biểu quyết cho Cổ đông/Đại diện cổ đông; báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông/Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa và Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Tổ chức Đại hội giới thiệu danh sách Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội;

2. Đoàn Chủ tọa có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội;

3. Đoàn Chủ tọa có thể hoãn họp Đại hội khi có sự nhất trí hoặc khi có yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật;

4. Đoàn Chủ tọa hoặc Ban Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự;

5. Ngoài ra, Đoàn Chủ tọa thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần Rạng Đông Holding;

6. Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Ban Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản của Đại hội đồng cổ đông. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và lưu giữ tại Công ty.

Điều 6. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Bầu cử và Kiểm phiếu

1. Đoàn Chủ tọa giới thiệu Ban Bầu cử và Kiểm phiếu, lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội;

2. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sử dụng Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử;

- Kiểm tra Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử;

- Tổ chức và giám sát bầu cử theo đúng các quy định tại Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ (2025-2029);

- Giám sát việc biểu quyết/bầu cử của các Cổ đông/Đại diện cổ đông tham dự Đại hội;

- Lập biên bản kiểm phiếu, Báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông/Đại diện cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau:

- Lần thứ nhất: Biểu quyết tán thành;

- Lần thứ hai: Biểu quyết không tán thành;

- Lần thứ ba: Biểu quyết có ý kiến khác.

Mỗi Cổ đông/Đại diện cổ đông chỉ được biểu quyết 01 lần (*tán thành hoặc không tán thành hoặc ý kiến khác*) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.



Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo hình thức tính bằng số điểm biểu quyết. Một (01) cổ phần được quyền biểu quyết khi tham gia biểu quyết được tính bằng một (01) điểm biểu quyết.

2. Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “√” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Bầu cử và Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự;

- Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ;

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;

+ Không có chữ ký ghi rõ họ tên của Đại biểu

+ Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Nguyên tắc thông qua: Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông/Đại diện cổ đông dự họp tán thành

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

Các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông/Đại diện cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 4 chương 9 điều, được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Rạng Đông Holding ngày 22 tháng 04 năm 2025.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

HỒ ĐỨC LAM

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UBCKNN; SGDHCM;
- Lưu VT.

Rạng Đông®

Since 1960
Số: 62./CV-RDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
V/v: Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty CP Rạng Đông Holding
trong các Công ty con/Công ty liên kết nhiệm kỳ 2025-2029

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Rạng Đông Holding;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm chức vụ Chủ tịch kiêm thành viên HĐQT của ông Hồ Đức Lam;

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau:

1. Miễn nhiệm chức danh “Người đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding trong các Công ty con/Công ty liên kết” của ông Hồ Đức Lam kể từ ngày 22/04/2025.
2. Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding trong các Công ty con/Công ty liên kết nhiệm kỳ 2025-2029. Người đại diện phần vốn góp phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:
 - Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
 - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;
 - Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - Có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác phù hợp với yêu cầu của vị trí, chức danh được cử làm người đại diện;
 - Không trong thời gian cấm đảm nhiệm chức vụ, xem xét xử lý kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù, thi hành quyết định kỷ luật;
 - Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp;
 - Tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Kính trình ĐHĐCĐ chấp thuận và thống nhất việc giao và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2029 toàn quyền quyết định, bầu cử/cử người đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding trong các Công ty con/Công ty liên kết nhiệm kỳ 2025-2029 đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

HỒ ĐỨC LAM

Rạng Đông[®]

Since 1960

Số: 60./CV-RDP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31. tháng 03. năm 2025

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập)

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding;

Nhằm mục đích nâng cao tính minh bạch và trung thực của Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding. Hội đồng quản trị Công ty đã đưa ra các tiêu chí để lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập sẽ thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2025, các tiêu chí gồm:

- Công ty kiểm toán phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025;
- Là công ty có uy tín và kinh nghiệm chuyên môn cao;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán.

Với các tiêu chí đã đưa ra, kính đề nghị Quý vị cổ đông tham dự Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành đàm phán và lựa chọn một trong bốn công ty kiểm toán được liệt kê dưới đây để ký kết hợp đồng thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2025:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
2. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận./



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

HỒ ĐỨC LAM

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(V/v: Thông qua hợp đồng/giao dịch với người có liên quan của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua hợp đồng/giao dịch với người có liên quan của Công ty trong năm 2025, cụ thể như sau.

I. Loại hợp đồng/giao dịch với người có liên quan của Công ty thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông:

1. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;
2. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
3. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.



II. Danh sách người có liên quan của Công ty dự kiến có phát sinh giao dịch:

S T T	Tên tổ chức/ cá nhân	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Mối quan hệ liên quan với công ty
		Số	Ngày cấp	Nơi cấp		
1	Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An	11018 02636	19/10/2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An	Lô H1,H2,H3, H4, H7,H8,H9 Đường số 3,8,9 KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Công ty con
2	Công ty Cổ phần Rạng Đông Films	03154 45210	20/12/2018	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM	63 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, TP. HCM	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông	03154 21019	04/12/2018	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An	Lô H1-H9 KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare	11019 21376	20/06/2019	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An	Lô G4-G8 Đường số 8 KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Tiếp Vận Song Dũng	03147 23909	08/11/2017	Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Công ty liên kết

III. Điều kiện thông qua hợp đồng/giao dịch với người có liên quan của Công ty

- Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch.
- Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định như sau:
 - Nghị quyết được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành;
 - Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

Đính kèm Dự thảo hợp đồng/giao dịch với người có liên quan của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

HỒ ĐỨC LAM



(Dự thảo)

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số:

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu của hai bên.

BÊN A:

Tên công ty:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
GPKD số:
Tài khoản:
Đại diện bởi:
Chức vụ:

BÊN B:

Tên công ty:
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax:
GPKD số:
Tài khoản:
Đại diện bởi:
Chức vụ:

Sau khi đã bàn bạc và thảo luận, hai Bên thống nhất ký kết Hợp Đồng này với những điều kiện và điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý mua của Bên B và Bên B đồng ý bán cho Bên A sản phẩm (ghi tên sản phẩm: ví dụ: hạt nhựa, vải, áo mưa,....) của Bên B theo nội dung, quy cách, chất lượng, số lượng, kích thước theo đơn đặt hàng;
- Tại thời điểm giao hàng, hàng hóa phải còn tối thiểu 80% hạn sử dụng. Việc Bên A nhận hàng trong trường hợp hàng hóa không thỏa mãn điều kiện này không loại trừ trách nhiệm của Bên B do vi phạm;
- Hợp đồng điều chỉnh:
 - + Hai bên đồng ý rằng trong suốt thời hạn hợp đồng, việc mua bán Hàng Hóa giữa Bên A và Bên B sẽ được thực hiện theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng này;
 - + Trường hợp các đơn đặt hàng/hợp đồng mua bán theo từng lô hàng cụ thể có quy định khác hợp đồng này thì áp dụng quy định tại đơn hàng/ hợp đồng mua bán;

+ Hàng Hóa/Hàng là tất cả các loại hàng được phép lưu thông trên thị trường và Bên B được cấp phép sản xuất/phân phối và kinh doanh loại Hàng Hóa đó và Bên A đặt hàng;

- Quyền mua hàng của Bên A: Hợp Đồng này không ngăn cản hay hạn chế việc Bên A mua Hàng Hóa từ bất kỳ nhà cung cấp nào khác và cũng không có nghĩa vụ phải đặt mua hàng từ Bên B.

ĐIỀU 2. ĐƠN ĐẶT HÀNG

- Theo từng thời điểm, khi xét thấy cần thiết, Bên A sẽ gửi "Đơn đặt hàng" dựa trên số lượng dự kiến trong tháng cho Bên B để yêu cầu cung cấp Hàng Hóa;
- Các chi tiết về số lượng, chủng loại hàng, giá cả, tiêu chuẩn chất lượng, quy cách đóng gói, bao bì, thời gian và địa điểm giao hàng và các nội dung khác liên quan đến Hàng Hóa sẽ được xác định cụ thể trong Đơn đặt hàng;
- Trong trường hợp đơn đặt hàng không quy định tiêu chuẩn chất lượng của một loại Hàng Hóa nào đó hoặc hai bên không có thỏa thuận nào khác về tiêu chuẩn chất lượng thì chất lượng hàng hóa phải phù hợp với mục đích sử dụng của Bên A;
- Trong trường hợp đơn đặt hàng không quy định quy cách đóng gói bao bì thì Bên B sẽ giao hàng theo tiêu chuẩn đóng gói theo tập quán thương mại tốt nhất áp dụng với loại hàng hóa đó và đảm bảo phương pháp đóng gói không ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển và lưu giữ hàng tại kho Bên A. Đối với những quy chuẩn đóng gói khác ngoài những quy chuẩn đã được hai bên thống nhất Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A để đạt được sự chấp thuận của cả hai bên;
- Đơn đặt hàng sẽ do đại diện có thẩm quyền của Bên A ký và đóng dấu thì mới được xem là hợp lệ. Danh sách tên và chữ ký mẫu của đại diện có quyền ký đơn đặt hàng và xác nhận đơn đặt hàng gồm:

Đại diện Bên A:

Họ tên:

Chức vụ:

Email:

Số điện thoại:

Chữ ký mẫu:

Đại diện Bên B:

Họ tên:

Chức vụ:

Email:

Số điện thoại:

Chữ ký mẫu:

- Khi có thay đổi về người đại diện ký đơn đặt hàng, bên có thay đổi phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước ít nhất 3 ngày làm việc. Không chấp nhận các đơn đặt hàng mà không có xác nhận của người có thẩm quyền hoặc đại diện ủy quyền và không đóng dấu;

- Bên B phải xác nhận khả năng đảm bảo cung cấp Hàng Hoá đúng, đầy đủ tiêu chuẩn số lượng, chất lượng, kịp thời trong thời hạn theo đơn hàng kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng. Hàng hóa Bên B giao phải là Hàng mới 100%;
- Bên B phải xác nhận đơn đặt hàng cho Bên A trong vòng 24 giờ đối với đơn hàng giao trong vòng 72 giờ trở lên và xác nhận đơn hàng sau 2 giờ đối với đơn hàng giao trong vòng 8 giờ. Nếu bên B không xác nhận thì được xác minh đơn hàng qua thời gian lưu trên bảng fax (hoặc mail) và coi như Bên B đã xác nhận hợp lệ;
- Danh sách tên và chữ ký mẫu của đại diện có quyền ký đơn đặt hàng và xác nhận đơn đặt hàng sẽ do hai bên thỏa thuận bằng văn bản trước khi thực hiện. Khi có thay đổi về người đại diện ký đơn đặt hàng, bên có thay đổi phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước ít nhất 3 ngày làm việc;
- Không chấp nhận các đơn đặt hàng mà không có xác nhận của người có thẩm quyền hoặc đại diện ủy quyền và không đóng dấu;
- Hủy Đơn đặt hàng: Bên A được quyền thông báo hủy đơn đặt hàng khi:
 - + Bên B chưa xác nhận chấp thuận đơn đặt hàng trong thời gian như quy định tại điều 2 hợp đồng;
 - + Trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày Bên B xác nhận chấp thuận đơn đặt hàng mà bên B chưa triển khai thực hiện đơn hàng;
 - + Hoặc các trường hợp khác do 2 bên thỏa thuận.

ĐIỀU 3. VẬN CHUYỂN, BỐC XẾP VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA

3.1. Vận chuyển, bốc xếp:

- Hàng hóa sẽ do bên B vận chuyển và giao cho Bên A tại nơi nhận hàng theo chỉ định cụ thể của Bên A tại từng thời điểm cụ thể và được thể hiện trong từng đơn hàng. Trường hợp phải giao Hàng ngoài địa điểm đã thỏa thuận, các Bên sẽ tiến hành thỏa thuận cụ thể trước khi tiến hành;
- Phương tiện vận chuyển:
 - + Vị trí mặt bằng trong thùng xe chở vật tư bao bì cho Bên A phải sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn vận chuyển, không làm ảnh hưởng đến chất lượng Hàng vận chuyển;
 - + Không để vật tư bao bì của Bên A chung với những loại vật tư khác có mùi hôi, đổ bẩn, không đảm bảo chất lượng hàng hóa khi giao;
- Bốc xếp mỗi bên chịu một đầu.

3.2. Giao nhận hàng hóa:

- Bên B phải báo cho Bên A trước 02 (hai) ngày làm việc trước khi giao hàng thông tin về thời gian giao hàng, phương tiện và người vận chuyển (loại phương tiện, số hiệu phương tiện, họ tên và CMND/CCCD của người vận chuyển, chữ ký mẫu và các thông tin cần thiết khác (nếu có) để Bên A chuẩn bị kho và bố trí nhân sự kiểm tra hàng. Đối với đơn hàng giao trong vòng 24 tiếng thì Bên B phải báo trước lịch giao hàng cho Bên A sau 02 tiếng kể từ thời điểm Bên B xác nhận đơn đặt hàng;
- Hàng phải được Bên B giao toàn bộ một lần cho Bên A. Việc giao thành nhiều đợt chỉ được phép khi có sự chấp thuận bằng văn bản của bên A;
- Bên B có thể giao Hàng sớm hơn thời gian đã định nhưng phải được Bên A đồng ý trước bằng văn bản;

- Hàng sẽ được giao tại cửa kho của Bên A tại địa điểm hai bên đã thỏa thuận tại đơn đặt hàng;
- Bên B sẽ chịu trách nhiệm về các thiệt hại, tổn thất do nhân viên hoặc người đại diện của Bên B gây ra tại địa điểm giao hàng khi giao Hàng hóa. Bên B đảm bảo rằng Bên B và các nhân viên, đại diện của mình biết và sẽ tuân thủ các qui định về sức khỏe, an toàn và an ninh tại địa điểm giao hàng hoặc nơi thực hiện công việc;
- Bên B sẽ cung cấp Hàng hóa cùng với tất cả các chứng từ liên quan đến Hàng hóa cho Bên A vào lúc giao Hàng hoặc trong một khoảng thời gian xác định do hai Bên thỏa thuận. Cho mục đích của điều khoản này, chứng từ liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bản chính phiếu xuất kho, bản chính hóa đơn GTGT, bản chính biên bản giao nhận/nghiệm thu, bản chính hướng dẫn sử dụng, bản sao chứng nhận xuất xứ và chất lượng;
- Tại thời điểm giao Hàng, Bên B sẽ lập biên bản giao nhận hàng hóa do người đại diện có thẩm quyền của hai bên ký xác nhận ghi rõ tình trạng hàng hóa lúc giao. Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu Bên A nhận hàng, nhập kho và trong quá trình sử dụng mới hiện có vi phạm thì báo cho Bên B đến cùng kiểm tra lập biên bản. Sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản, nếu Bên B không có ý kiến gì thì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó;
- Trường hợp giao hàng không đúng hợp đồng:
 - + Bên A chỉ nhận và thanh toán đúng số lượng Hàng Hóa đã yêu cầu theo đơn đặt hàng liên quan, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản;
 - + Nếu Hàng Hóa bị giao thiếu hoặc giao trễ so với số lượng và kế hoạch giao hàng trong đơn đặt hàng có liên quan, "số lượng thiếu" Bên A có quyền quyết định nhận hay không và chỉ thanh toán cho số lượng hàng hóa thực tế nhận đạt chất lượng, việc Bên A nhận hàng trong trường hợp này không loại trừ nghĩa vụ của Bên B do vi phạm hợp đồng. Việc giao Hàng chậm trễ, kể cả trong trường hợp giao lại hoặc giao thêm Hàng vì Hàng không đáp ứng yêu cầu về chất lượng và số lượng sẽ bị áp dụng các chế tài theo quy định tại Điều 3 và Điều 10 của hợp đồng;
 - + Trường hợp Bên B giao hàng không đúng chủng loại, quy cách hoặc không đúng chất lượng như yêu cầu trong đơn đặt hàng thì Bên A có quyền:
 - Từ chối nhận hàng hoặc hoàn trả hàng;
 - Yêu cầu Bên B phải giao hàng thay thế ngay lập tức hoặc trong thời gian mà Bên A yêu cầu;
 - Bên A có quyền yêu cầu bất kỳ Bên thứ ba khác cung cấp Hàng Hóa thay thế;
 - Yêu cầu Bên B và Bên B sẽ tự chịu chi phí thu hồi hàng hóa do không đạt yêu cầu;
 - Bên B phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

ĐIỀU 4. GIÁ CẢ

- Giá bán là ổn định trong thời gian thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp có sự thay đổi về giá Bên B phải thông báo trước cho Bên A 45 ngày và đạt được sự chấp thuận của Bên A;
- Giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí khác liên quan đến Hàng Hóa, bao gồm mà không giới hạn chi phí bốc xếp,

vận chuyển từ kho của Bên B đến kho của Bên A, hoặc các địa điểm giao hàng khác được Bên A chỉ định và được ghi trên đơn đặt hàng;

- Giá trị thanh toán của từng Đơn đặt hàng trên thực tế sẽ căn cứ vào giá trị thực tế hàng hóa Bên A nhận theo Biên bản bàn giao hàng hóa và sau khi khấu trừ số hàng hóa không đáp ứng đúng theo tiêu chuẩn, điều kiện đã thỏa thuận và các khoản chi phí phát sinh nếu có mà Bên A phải chịu liên quan đến Đơn đặt hàng.

ĐIỀU 5. THANH TOÁN

- Bên A chỉ chấp nhận thanh toán cho số lượng hàng mà Bên A đồng ý nhận, đạt chất lượng;
- Bên B sẽ xuất hóa đơn GTGT cho Bên A căn cứ trên số lượng Hàng Hóa thực tế giao nhận giữa hai bên;
- Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng tiền Việt Nam Đồng, theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B. Thời hạn thanh toán không quá ... (.....) ngày làm việc kể từ khi nhận hàng và Bên B đã giao cho Bên A tất cả hóa đơn, giấy tờ cần thiết cho thủ tục thanh toán. Thời hạn trên không áp dụng với trường hợp hai bên đang giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hàng hóa;
- Nếu ngày cuối cùng của đợt thanh toán trùng vào các ngày nghỉ, lễ theo quy định của Nhà nước, Bên A có quyền thanh toán vào ngày làm việc kế tiếp ngày nghỉ, lễ đó;
- Nếu có khoản phải thanh toán nào mà hai bên chưa thống nhất hoặc có sự sai lệch trong thống kê của các bên hoặc số liệu trong hóa đơn không phù hợp thì khoản thanh toán đó sẽ được tạm giữ lại chưa thanh toán cho đến khi các bên thống nhất và sẽ được thanh toán cùng đợt thanh toán gần nhất sau khi thống nhất;
- Trong trường hợp Bên A thanh toán không đúng hạn cho Bên B thì Bên A sẽ chịu mức phạt bằng mức lãi suất của khoản vay kì hạn 12 tháng do Ngân hàng Nhà nước công bố tính trên số tiền chậm thanh toán tương ứng với thời hạn chậm thanh toán;
- Bên A có quyền giữ lại bất kỳ khoản thanh toán đến hạn nào khi có căn cứ cho rằng Bên B vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào theo hợp đồng này hoặc các thỏa thuận khác bằng văn bản của hai bên cho đến khi vi phạm đó được khắc phục và được Bên A chấp nhận bằng văn bản;
- Bên A có quyền cản trở số tiền thanh toán vào các khoản Bên B bị phạt và phải bồi thường do Bên B vi phạm hợp đồng.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

6.1. Trách nhiệm của Bên A

- Thanh toán tiền hàng theo đúng theo Điều 5. Nếu thanh toán trễ hạn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng này;
- Nhận hàng theo đúng thời gian và đủ số lượng theo quy định của hợp đồng;
- Phối hợp với Bên B lập biên bản giao nhận hàng hóa khi Bên B giao hàng;
- Thông báo cho Bên B các lỗi về hàng hóa trong quá trình sử dụng để Bên B xử lý và khắc phục;
- Bên A được bảo lưu quyền khiếu nại cho đến khi hết hạn sử dụng của hàng hóa. Việc Bên A nhận hàng không làm loại trừ nghĩa vụ của Bên B về chất lượng, số lượng hàng hóa.

6.2. Trách nhiệm của Bên B

- Hàng hoá được lưu thông hợp pháp trên thị trường và không bị bất kỳ bên thứ ba nào tranh chấp. Vào thời điểm chuyển giao quyền sở hữu Hàng Hóa cho Bên A, Bên B có đầy đủ quyền về mặt pháp lý, lợi ích và không bị cản trở đối với quyền sở hữu Hàng Hóa;
- Hàng Hóa được cung cấp đúng chủng loại, tiêu chuẩn chất lượng, thời gian, địa điểm giao hàng theo như yêu cầu của Bên A tại đơn đặt hàng và các thỏa thuận giữa hai bên (nếu có);
- Bên B tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan khi thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này; và trong mọi thời điểm, sẽ có và tuân thủ các giấy phép và phê chuẩn cần thiết từ cơ quan có thẩm quyền;
- Bên B có đầy đủ thẩm quyền, kỹ năng, kinh nghiệm, kiến thức, nhân lực và phương tiện cần thiết để ký kết và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này;
- Bên B là người chịu trách nhiệm về chất lượng, tính an toàn của Hàng Hóa, chịu trách nhiệm giải quyết mọi khiếu nại, yêu cầu từ bên thứ ba liên quan đến việc sử dụng Hàng Hóa của bên B;
- Hàng hóa phải được cung cấp đúng theo mẫu (nếu có) do Bên B cung cấp và đã được Bên A chấp nhận trước và đúng các tiêu chuẩn đã được hai bên thống nhất. Hàng Hóa và việc cung cấp, sử dụng Hàng Hóa không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào khác;
- Bên B cam kết rằng rất cả những người sử dụng email trao đổi với bên A liên quan đến đơn đặt hàng được xem là đã có các ủy quyền hợp lệ từ Bên B và các thông tin được gửi từ các email này có giá trị ràng buộc Bên B. Để làm rõ, Bên B không được viện lý do không thể kiểm soát đối với các địa chỉ email này để chối bỏ giá trị pháp lý và tính ràng buộc của các thông tin liên quan;
- Bên B cam kết bảo mật toàn bộ những thông tin liên quan đến nội dung hợp đồng, hình ảnh, logo do Bên A cung cấp, chỉ sử dụng nội dung để in trên những sản phẩm do Bên A yêu cầu (nếu có).

ĐIỀU 7. BẢO HÀNH, BẢO TRÌ

- Bên B cam kết trong thời hạn bảo hành, bảo trì theo hạn sử dụng kể từ ngày Bên A nhận đủ và đúng hàng (xác nhận bằng biên bản). Trong thời gian này, bằng chi phí của mình Bên B sẽ khắc phục, thay thế hoặc đổi lại ngay lập tức bất kỳ hoặc toàn bộ những lỗi, nhược điểm, hỏng hóc, sự cố trong bất cứ phần nào của Hàng Hóa trừ lỗi do Bên A gây ra do không tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất về việc sử dụng, bảo quản Hàng Hóa;
- Trường hợp Bên B chậm trễ trong việc khắc phục lỗi trong thời hạn Bên A yêu cầu, Bên A có quyền tự mình hoặc thuê đơn vị thứ ba khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa này, có quyền khấu trừ công nợ tương ứng với số lượng bị lỗi với Bên B;
- Việc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ bảo trì, bảo hành như quy định tại điều này được xem như chậm trễ thực hiện Hợp Đồng và được xem như vi phạm Hợp Đồng và Bên B phải chấp nhận chịu phạt và bồi thường theo điều khoản phạt tại hợp đồng này;
- Trường hợp Bên B tiến hành bảo hành, bảo trì đến lần thứ hai nhưng không đạt yêu cầu của Bên A, Bên B có trách nhiệm giao lại hàng hóa mới cho Bên A bằng toàn bộ chi phí của mình và/hoặc Bên A có quyền đặt hàng từ Bên thứ ba bằng toàn bộ chi phí do Bên B thanh toán đồng thời Bên B phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 8: QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- Các Bên thừa nhận và đồng ý rằng:
 - + Mỗi Bên phải luôn là chủ sở hữu các tài sản trí tuệ do bên đó sở hữu trước khi bắt đầu quan hệ Hợp Đồng;
 - + Bên A luôn là chủ sở hữu của tài sản trí tuệ liên quan đến Hàng Hóa bao gồm không giới hạn các thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, logo, nhãn hiệu hàng hóa do Bên A cung cấp cho Bên B để sản xuất trên Hàng Hóa theo yêu cầu của Bên A (nếu có);
- Bên B cam kết không chiếm hữu, sử dụng, định đoạt các tài sản trí tuệ của Bên A dưới bất kỳ hình thức nào và chỉ được sử dụng các tài sản trí tuệ này theo đúng mục đích thỏa thuận tại Hợp Đồng;
- Bên B không được tiết lộ thông tin liên quan tới việc sử dụng sản phẩm của bên A cho bất kỳ bên thứ 3 nào mà không có sự đồng ý của bên A.

ĐIỀU 9. VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- Trường hợp giao hàng trễ hạn thì Bên B sẽ bị phạt 2% mỗi ngày tính trên tổng giá trị đơn hàng chậm giao nhưng thời hạn không quá 3 ngày, nếu quá 3 ngày thì Bên B sẽ chịu phạt 8% giá trị lô hàng chậm giao. Ngoài ra, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A các thiệt hại trực tiếp và gián tiếp từ hành vi vi phạm của Bên B, chi phí phát sinh để mua số lượng Hàng Hóa thay thế và bổ sung đó, chi phí bồi thường bên thứ 3 và các chi phí hợp lý khác liên quan (nếu có);
- Bên nào không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ bất kỳ nghĩa vụ nào khác của mình theo Hợp Đồng này đều bị xem là vi phạm Hợp Đồng, theo đó Bên vi phạm có thể bị phạt đến mức 8% giá trị Hợp đồng bị vi phạm và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh cho Bên kia;
- Việc vi phạm hợp đồng không được áp dụng trong trường hợp bất khả kháng theo luật định. Bên gặp sự kiện bất khả kháng phải báo ngay cho Bên kia biết và phải cung cấp chứng cứ chứng minh sự kiện bất khả kháng đó là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới việc vi phạm hợp đồng.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT THÔNG TIN

- Các bên cam kết bảo mật toàn bộ các thông tin liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở các điều khoản và điều kiện của hợp đồng này; các thông tin liên quan được một trong các bên thông báo bằng lời, bằng văn bản hay bằng bất cứ hình thức nào khác trước khi xác lập và trong khi thực hiện hợp đồng này;
- Không bên nào được tiết lộ hoặc cho phép bất kỳ một bên thứ ba nào sử dụng những thông tin này, ngoại trừ được sự đồng ý bằng văn bản của bên kia. Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng cho việc yêu cầu tiết lộ từ cơ quan có thẩm quyền với điều kiện trước khi tiết lộ bên tiết lộ phải báo trước cho bên còn lại để thống nhất trước.

ĐIỀU 11. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ bị chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau đây:

- Theo thỏa thuận của 02 bên;
- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày sự kiện bất khả kháng xảy ra mà bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng vẫn không thể tiếp tục thực hiện được hợp đồng thì bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt sau khi đã thông báo với bên kia;

- Theo một thông báo bằng văn bản về một vi phạm nghiêm trọng trong nghĩa vụ hợp đồng của bên vi phạm và bên vi phạm không khắc phục được vi phạm đó trong thời hạn mà bên bị vi phạm yêu cầu;
- Ngay khi một bên bị phá sản, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép kinh doanh;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật;
- Việc chấm dứt hợp đồng sẽ không giải phóng các bên khỏi các nghĩa vụ phát sinh trước ngày chấm dứt hợp đồng.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN CHỐNG HỐI LỘ

- Bên A coi trọng uy tín của mình trong việc giữ gìn đạo đức kinh doanh, trung thực và đáng tin cậy về tài chính. Bên A nhận thức được rằng việc dùng hối lộ hoặc dung túng các hành vi hối lộ sẽ làm ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của Bên A. Bởi vậy, các bên ký kết hợp đồng phải hiểu rằng hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của chính sách chống hối lộ của Bên A;
- Các Bên đồng ý rằng Bên A bảo lưu quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải bồi hoàn và xem xét chấm dứt tất cả các giao dịch công việc cũng như các sự hợp tác với Bên B nếu Bên A phát hiện ra rằng Bên B:
 - + Hối lộ nhân viên Bên A để làm ảnh hưởng tới quyết định chọn lựa Bên B;
 - + Hoặc đã không thông báo kịp thời cho Bên A mọi biểu hiện liên quan đến hối lộ của các nhân viên có liên quan của Bên A trong quá trình đàm phán, ký kết, kiểm tra mẫu và thực hiện Hợp Đồng này;
 - + Hoặc hứa hậu đãi hay quà cáp cho cán bộ nhân viên Bên A dưới bất kỳ hình thức nào.
- Nếu Bên B phạm điều khoản này thì ngoài quyền được đơn phương chấm dứt hợp đồng, Bên A còn được quyền tạm ngưng thanh toán trong quá trình điều tra làm rõ và yêu cầu Bên B bồi thường các thiệt hại phát sinh trực tiếp từ vi phạm trên.

ĐIỀU 13. LUẬT ÁP DỤNG – GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích bởi luật Việt Nam;
- Các tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hợp đồng này hoặc từ việc thực hiện hợp đồng trước tiên phải được hai bên thương lượng hoà giải. Trường hợp các bên không thể thương lượng được thì vụ việc sẽ được đưa đến cơ quan Tòa án/Trọng tài kinh tế để giải quyết. Quyết định của Tòa án/Trọng tài kinh tế là quyết định cuối cùng. Bên có lỗi chịu án phí và các chi phí hợp lý có liên quan.

ĐIỀU 14. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Bên B không được chuyển giao toàn bộ hoặc một phần quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng này cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của bên A;
- Mọi sửa đổi bổ sung hợp đồng này đều phải thực hiện bằng văn bản và được ký bởi đại diện có thẩm quyền của mỗi Bên;
- Bên B không được thực hiện các thông cáo báo chí, công bố công khai hoặc truyền thông liên quan đến nội dung của bất kỳ đơn đặt hàng nào hoặc hợp đồng này hoặc quan hệ giữa các bên mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A trước khi thực hiện;

- Sự vô hiệu hoặc không thể thực hiện của bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng hoặc bất kỳ đơn đặt hàng nào sẽ không làm ảnh hưởng đến hiệu lực hoặc việc thi hành của các điều khoản khác của hợp đồng này và các đơn đặt hàng khác;
- Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày .../...../ đến ngày...../...../.....;
- Sau khi hợp đồng hết hiệu lực, sau 30 ngày kể từ ngày hai bên đã hoàn thành xong nghĩa vụ của mình mà không có bất kỳ sự khiếu nại nào bằng văn bản thì hợp đồng xem như đã được thanh lý;
- Hợp đồng này được làm thành 02 (hai) bản tiếng Việt có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 (một) bản;
- Hợp đồng được ký bởi email, fax hoặc các hình thức điện tử tương đương văn bản bởi đại diện có thẩm quyền của cả hai bên sẽ có giá trị pháp lý như ký trực tiếp.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B





(Dự thảo)

HỢP ĐỒNG VAY/MƯỢN

Số:

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm, tại trụ sở, chúng tôi gồm:

BÊN CHO MƯỢN (BÊN A):

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Tài khoản:

Đại diện:

Chức vụ:

BÊN MƯỢN (BÊN B):

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Tài khoản:

Đại diện:

Chức vụ:

Sau khi thỏa thuận cùng nhau ký hợp đồng vay/mượn với các điều khoản sau:

Điều 1. Đối tượng của Hợp đồng

Bên A đồng ý cho Bên B vay/mượn số tiền/tài sản cụ thể như sau:

- Bằng số:
- Bằng chữ:

Điều 2. Thời hạn và hình thức hợp đồng

2.1 Thời hạn vay/mượn:

- Kể từ ngày
- Đến hết ngày

2.2 Lãi suất:%/năm

2.3 Hình thức cho mượn: chuyển khoản.

Điều 3. Nghĩa vụ của Bên A

3.1 Giao tiền cho Bên B đầy đủ, đúng số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận.

3.2 Bên A có quyền kiểm tra việc sử dụng tiền mượn và có quyền đòi lại tiền mượn trước thời hạn, nếu đã nhắc nhở mà Bên B vẫn sử dụng tiền mượn trái mục đích.

Điều 4. Nghĩa vụ của Bên B

4.1 Sử dụng tiền mượn đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

4.2 Thanh toán đầy đủ, đúng hạn toàn bộ số tiền đã mượn cho Bên A.

4.3 Trong trường hợp khi đến hạn bên B không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên B phải trả lãi trên số tiền gốc và lãi quá hạn theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-Chi nhánh Tp.HCM tương ứng với thời hạn mượn tại thời điểm trả tiền.

4.4 Bên B không được chuyển giao một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.



Điều 5: Cam kết chung

- 5.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng này, nếu những nội dung khác đã quy định trong các văn bản pháp luật điều chỉnh việc cho mượn tiền này không ghi trong hợp đồng này, hai bên cần tôn trọng chấp hành.
- 5.2 Nếu có tranh chấp xảy ra, hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng.
- 5.3 Nếu không tự thương lượng được, hai bên sẽ chuyển vụ việc tới Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc kiện tụng sẽ thực hiện theo quyết định của Tòa án.

Điều 6: Hiệu lực của hợp đồng

- 6.1 Hợp đồng được hiểu và giải thích theo Luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 6.2 Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định của văn bản pháp luật hiện hành.
- 6.3 Mỗi điều khoản của Hợp đồng này là tách biệt nhau, nếu có một điều khoản nào đó vô hiệu thì không làm ảnh hưởng đến các điều khoản khác.
- 6.4 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các Điều khoản ghi trong Hợp đồng này. Trong thời hạn hiệu lực Hợp đồng mọi sự sửa đổi, bổ sung nội dung trong Hợp đồng này phải được hai Bên Bàn bạc thống nhất, lập thành phụ lục Hợp đồng và phải được người có thẩm quyền của hai bên ký xác nhận.
- 6.5 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày đến ngày Nếu đến thời hạn này hai bên chưa hoàn tất các nghĩa vụ hợp đồng thì thời hạn hợp đồng sẽ được tự động gia hạn đến khi hai bên hoàn tất các nghĩa vụ của mình.
Hợp đồng này được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



Số: 63./CV-RDP

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(V/v: Thù lao Hội đồng quản trị
và trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị & Ban Điều hành năm 2025)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding;

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị và trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị & Ban Điều hành năm 2025 như sau:

I. Thù lao Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	đồng/người/quý	đồng/người/năm
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	20.000.000	80.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	10.000.000	40.000.000
3	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	10.000.000	40.000.000

II. Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị & Ban Điều hành

1. Mức trích lập

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả thực hiện của tập đoàn.

- Nếu hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất của tập đoàn thì được trích 2,0% quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Nếu hoàn thành vượt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất của tập đoàn thì được trích 2,0% quỹ khen thưởng phúc lợi và 2,0% phần vượt chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất của tập đoàn.
- Không hoàn thành, không trích.

2. Quy chế thưởng Hội đồng quản trị & Ban Điều hành

Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mức chia và tiêu thức chia.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2025-2029**

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding.

1.2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding theo danh sách chốt tại ngày 26/03/2025 và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ có mặt tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

1.3. Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc:

- Tuân thủ pháp luật hiện hành về doanh nghiệp tại Việt Nam;
- Bảo đảm tính công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội

2.1. Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự Đại hội đều được nhận một phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT, trên phiếu ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó nắm giữ và số phiếu biểu quyết tương ứng được sử dụng để bầu cử.

2.2. Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này và sự hướng dẫn của Ban Bầu cử và Kiểm phiếu, Chủ tọa Đại hội.

Điều 3. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung tại Đại hội: 03 thành viên trong đó có 01 thành viên độc lập.

3.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty, không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam;
- Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT trên 05 (năm) công ty khác.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT

4.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT. Số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị mà các nhóm có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

4.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, số ứng cử viên còn lại do Đoàn Chủ tọa hoặc các cổ đông khác đề cử.

Điều 5. Hồ sơ đề cử, ứng cử để bầu bổ sung thành viên HĐQT

5.1. Hồ sơ đề cử, ứng cử để bầu bổ sung thành viên HĐQT bao gồm:

- Văn bản ứng cử hoặc đề cử (theo mẫu);
- Thông tin lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao Căn cước công dân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
- Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông (nếu tự ứng cử) hoặc cổ đông, nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong 06 tháng gần nhất hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (tính đến ngày 26/03/2025 - ngày chốt Danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty).

5.2. Hồ sơ ứng cử/đề cử phải được gửi về Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 trước 17h00 ngày 07/04/2025 theo địa chỉ sau đây: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 – Công ty CP Rạng Đông Holding - Địa chỉ: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

- Các ứng cử/đề cử được gửi về Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 sau 17h00 ngày 07/04/2025 sẽ xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông trước khi tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2023-2028).

- Đối với các trường hợp đề cử/ứng cử tại Đại hội thì cổ đông/nhóm cổ đông đề cử/ứng cử phải cung cấp ngay hồ sơ đề cử/ứng cử cho Chủ tọa ngay trước khi khai mạc Đại hội để được xem xét.

- Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

Điều 6. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên hồ sơ đề cử, ứng cử của cổ đông, nhóm cổ đông, Ban Tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định để bầu bổ sung thành viên HĐQT.



Điều 7. Hình thức và phương thức bầu cử

7.1. Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.

7.2. Trên phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT có ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu/hoặc đại diện, số phiếu biểu quyết, có đóng dấu treo của Công ty.

7.3. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cả số cổ phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung. Cụ thể theo công thức sau:

$$\text{Tổng số phiếu biểu quyết} = \text{Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết} * \text{Số thành viên HĐQT được bầu bổ sung}$$

7.4. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một số ứng cử viên.

7.5. Tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó.

Điều 8. Tổ chức và giám sát bầu cử

8.1. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu:

- Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Bầu cử và Kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;

- Ban Bầu cử và Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa;

- Thành viên Ban Bầu cử và Kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT.

8.2. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu phải bảo đảm tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

8.3. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên bổ sung HĐQT;

- Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;

- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;

- Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;

- Cùng Đoàn Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;

- Các nhiệm vụ liên quan khác;

- Ban Bầu cử và Kiểm phiếu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

9.1. Phiếu bầu:

- Phiếu bầu do Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của Công ty, có mã số cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu/được ủy quyền đại diện, tổng số quyền biểu quyết;

- Cổ đông/đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT;

- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Bầu cử và Kiểm phiếu để đổi phiếu bầu khác.

9.2. Cách ghi phiếu bầu:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông bầu số ứng viên tối đa bằng số lượng cần bầu bổ sung vào thành viên HĐQT;

- Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông ghi rõ số phiếu biểu quyết cụ thể vào ô “Số phiếu biểu quyết” của các ứng viên tương ứng. Các ứng cử viên không được lựa chọn thì cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông điền số “0” hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu biểu quyết”;

- Tổng số phiếu biểu quyết cho ứng cử viên của một cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);

- Trường hợp ghi sai, cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đổi phiếu bầu khác;

- Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông phải ký và ghi rõ họ tên dưới phiếu bầu để xác nhận.

9.3. Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu biểu quyết được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);

- Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 9.4 Điều này.

9.4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Phiếu không do Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding phát hành và/hoặc không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);

- Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho các ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);

- Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông;

- Phiếu bầu cho nhiều ứng viên hơn số lượng cần bầu bổ sung;

- Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 10. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

10.1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

10.2. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

10.3. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Bầu cử và Kiểm phiếu giám sát;

10.4. Việc kiểm phiếu phải được Ban Bầu cử và Kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

10.5. Trước khi mở thùng phiếu, Ban Bầu cử và Kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 11. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

11.1. Người trúng cử khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận (có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông).

11.2. Người trúng cử bổ sung thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu biểu quyết tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu biểu quyết cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT mà Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

11.3. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu biểu quyết như nhau cho thành viên bổ sung cuối cùng vào Hội đồng quản trị thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu biểu quyết ngang nhau để lựa chọn.

Điều 12. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

12.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử và Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

12.2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
- Thành phần Ban Bầu cử và Kiểm phiếu;
- Mục đích, nội dung bỏ phiếu;
- Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử;
- Kết quả bầu cử;
- Chữ ký của Thành viên Ban Bầu cử và Kiểm phiếu.

12.3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Bầu cử và Kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 13. Quyền chất vấn

Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Đoàn Chủ tọa Đại hội và Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông/đại diện cổ đông và được ghi vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2029 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UBCKNN; SGDHCM;
- Lưu VT.



HỒ ĐỨC LAM

